TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-03-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tạ Văn Đài
2. Ông bà Trần Thị Quỳnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Ông Phạm Hữu Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 854/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2019, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 08/TB-TA ngày 28/02/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

Bị đơn: Chị Lê Thị G, sinh năm 1986

Cùng trú tại: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, chị G có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị G tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hiện nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm của anh giành cho chị G không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh xin ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh và chị G có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc L, sinh ngày 27/12/2009 và cháu Nguyễn Lê Hoàng N, sinh ngày 05/01/2016. Anh

đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Ngọc L cho chị G nuôi dưỡng do cháu L cũng có nguyện vọng sống với chị G. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Lê Hoàng N, sinh ngày 05/01/2016. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lê Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, nợ chung, con chung, nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng, chị đồng ý với phần trình bày của anh T. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Nay anh T xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng Nguyễn Lê Ngọc L, sinh ngày 27/12/2009 và cháu Nguyễn Lê Hoàng N, sinh ngày 05/01/2016. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/con/tháng cho đến khi cả 02 con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị G phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T. Về con chung: xét về điều kiện nhà ở thì anh T có nhà ở ổ định hơn chị G nên giao cháu Nguyễn Lê Hoàng N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, Cháu Nguyễn Lê Ngọc L có nguyện vọng ở với mẹ, anh T cũng đồng ý giao cháu L cho chị G nuôi dưỡng, nên giao cháu L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung anh T và chị G không yêu cầu giải quyết; nợ chung anh T và chị G trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn chị Lê Thị G hiện đang trú tại: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Anh T và chị G tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh T và chị G đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, chứng tỏ anh T chị G không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Hai người hiện đã sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh T chị G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị G.

[3] **Về con chung**: Anh T và chị G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lê Hoàng N sinh ngày 05/01/2016. Xét về điều kiện kinh tế anh T và chị G có mức thu nhập ổn định như nhau, tuy nhiên về điều kiện nhà ở thì anh T có nhà ở ổn định hơn chị G đồng thời anh T sống chung với mẹ nên cháu N cũng được bà nội hỗ trợ chăm sóc tốt hơn, nên giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Lê Ngọc L có nguyện vọng ở với mẹ, anh T cũng đồng ý giao cháu L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, nên giao cháu L cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung:** Các đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí**: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Lê Thị G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Ngọc L, sinh ngày 27/12/2009 cho chị Lê Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Lê Hoàng N, sinh ngày 05/01/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị G.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa t niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo phiếu thu số 0001215 ngày 18/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh T đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.huyện Trảng Bom;
- Thi hành án DS h.Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (số ĐKKH45, quyển 01 ngày 31/12/2008);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa